

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 –ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-01-2026

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 –ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thu An

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn G , sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: Làng OGrang, xã G , tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Quốc C , luật sư Văn phòng luật sư C – chi nhánh Ba Đồn, đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị. (Vắng mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị N , sinh năm: 1979, HKTT: thôn Vĩnh Sơn, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ tạm trú: tổ 5, khu phố 5, phường C , tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn G và bà Võ Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn nên thường cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Nay ông G nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với bà Võ Thị N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông G và bà N có hai con chung tên Võ Quốc Việt, sinh năm: 2002 và Võ Quốc N, sinh năm: 2008. Nay ly hôn, ông G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Quốc N, sinh năm: 2008, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Võ Quốc Việt, sinh năm: 2002 đã trên 18 tuổi, ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông G có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn bà Võ Thị N tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 12 năm 2025 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông G như sau:

Bà N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông G yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý ly hôn. Bà N và ông Võ Văn G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Bà N và ông G mâu thuẫn từ năm 2008, vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2012, bà N vào Bình Phước sống còn ông G sống ở Gia Lai với con. Ông Võ Văn G yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý ly hôn. Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Quốc N, sinh ngày: 10/5/2008, bà N đồng ý giao con chung Võ Quốc N, sinh ngày: 10/5/2008 cho ông G nuôi dưỡng vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Nam ở với ông G, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Bà N thông nhất nợ chung không có. Tài sản chung không có.

Bà N đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông G vắng mặt và bị đơn bà N vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9; 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Cho ông G được ly hôn với bà N ; Giao con chung Võ Quốc N, sinh ngày: 10/5/2008 cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn bà N có nơi cư trú

tại khu phố 5, phường C , tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

[2]. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn G , Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Ông G và bà N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông G và bà N đều xác nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, ông G và bà N không còn quan tâm, yêu thương nhau nên ông G yêu cầu được ly hôn, bà N cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của ông G và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông G , cho ông G được ly hôn với bà N .

[3.2]. Quá trình chung sống ông G và bà N có 02 con chung Võ Quốc Việt, sinh năm: 2002 và Võ Quốc N, sinh năm: 2008. Do con Võ Quốc Việt, sinh năm: 2002 đã trưởng thành, ông G và bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với con chung Võ Quốc N, sinh năm: 2008 ông G yêu cầu được trực tiếp nuôi con và bà N cũng đồng ý giao con cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ông G và bà N sống ly thân, cháu Võ Quốc N sống cùng ông G ở tỉnh Gia Lai, nguyện vọng của cháu Nam là được sống cùng cha (là ông G) khi cha mẹ ly hôn do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cần giao con chung Võ Quốc N, sinh năm: 2008 cho ông Võ Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[3.3]. Ông G và bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3.4]. Ông G và bà N khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Do ông G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9; 51; 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 264; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G :

Cho ông Võ Văn G được ly hôn với bà Võ Thị N .

Giao con chung Võ Quốc N, sinh năm: 2008 cho ông Võ Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Ông G , bà N không yêu cầu nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

2. Ông Võ Văn G phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông G đã nộp (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000071 ngày 08/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị)

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 –Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thúy Hằng